

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm vật tư sửa chữa hệ thống nguồn điện Diesel khẩn cấp, DC, AC-UPS, biến dòng đo lường và bảo vệ máy nghiền;
- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư sửa chữa hệ thống nguồn điện Diesel khẩn cấp, DC, AC-UPS, biến dòng đo lường và bảo vệ máy nghiền;
- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần;
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh;
- Phạm vi công việc: Cung cấp vật tư sửa chữa hệ thống nguồn điện Diesel khẩn cấp, DC, AC-UPS, biến dòng đo lường và bảo vệ máy nghiền;
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về chủng loại: Theo bảng đặc tính, thông số kỹ thuật tại bảng bên dưới. Loại hàng hóa nêu dưới đây là loại hàng hóa tham khảo phù hợp với tính năng sử dụng mà Chủ đầu tư cần mong muốn mua sắm đảm bảo nhu cầu sử dụng. Mã và tên nhà sản xuất nêu tại phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện có tính chất tham khảo. Nhà thầu có thể chào đúng mã và nhà sản xuất tham khảo hoặc chào mặt hàng có quy cách kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các tài liệu kỹ thuật, các bản vẽ và chứng chỉ cần thiết để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu E-HSMT (*tài liệu kỹ thuật, Catalogue, các bản vẽ và chứng chỉ liên quan đính kèm E-HSMT phải bằng tiếng Tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp bằng ngôn ngữ khác thì nhà thầu phải đính kèm bản dịch ra tiếng Việt*).

Trường hợp Nhà thầu chào hàng hóa tương đương thì phải có trách nhiệm cung cấp thêm bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh được hàng hóa do nhà thầu chào thay thế là có quy cách kỹ thuật và chất lượng tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa yêu cầu và phù hợp với điều kiện sử dụng của Chủ đầu tư.

PHẠM VI CUNG CẤP:

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	<p>Bộ điều khiển máy phát Diesel EASYGEN3000 (hoặc mã tương đương: EASYGEN3200XT-P1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Part No: 8440 - 2050 - REV: D - EASYGEN-3200-5: EASYGEN-3200-5/P1 - Uaux: 12/24 V DC - I aux.,mix: 1,4/0,7ADC - Umeas (IEC): 120VAC/480VAC - Umeas.,mix (UL): 600V AC - I1/GEN: 5A AC - I2/MAINS: 5A AC - fN: 50/60 Hz - U cont.dig.input: 12/24V DC - U cont.,relay: 250V AC - T amb, oper: -20 to 70 độ C - U (PH-GROUND): 300VAC - Hãng sản xuất: Woodward <p>(Bao gồm thực hiện cài đặt thông số vào bộ điều khiển theo đúng thông số của bộ điều khiển cũ của NMNĐ Vĩnh Tân 2) Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên</p>	Cái	1
2	<p>Micro Switch Lema Electrics KW-7-1I-G06</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: KW7-1I-G06 - Dòng định mức: 16A/250V AC; 0,4A/250V DC - Tiếp điểm: COM-NO-NC - Tiêu chuẩn IP40 - Điện trở tiếp xúc: $\leq 25m\Omega$ - Nhiệt độ hoạt động: $-10^{\circ}C \sim +85^{\circ}C$ <p>Hãng sản xuất: ZheJiang Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên</p>	Cái	10
3	<p>Bộ nguồn điều khiển tủ, sạc ắc quy: Bộ nguồn 24V DC Model: 6EP1 436-3BA00 Input: 3P AC 400-500V max 1,3A 50/60Hz Output: DC 24V/20A Hãng sản xuất: Siemens Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên</p>	Cái	2
4	<p>Cầu diode chỉnh lưu 3 pha Model: MSD75-16 VRRM: 800-1800 V, ID: 75 A</p>	Cái	6

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	Hãng sản xuất: MSC Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên		
5	Bộ chuyển nguồn tự động Emergency: MFC5208 EPS Automatic Transfer Device Nguồn: DC220V Model: MFC5208A - D131744 PT, CT: 110V/1A Hãng sản xuất: Wiscom System Co., LTD (kèm dịch vụ backup thông số bộ cũ và cài đặt bộ mới) Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	1
6	Biến dòng điện CT Model: LMZB3-10 Rate insulation level: 12/42/75kv Rate frequency: 50Hz Rate voltage: 10kV Curent ratio: 4000/1 Hãng sản xuất: Dailan Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
7	Máy biến dòng điện (CT) 400/1A: Model: LZZBJ9-12/175B/2 Rated primary / secondary current (A): 400 / 1 Accuracy class: 5P20 Rated voltage: 12 kV, 42 kV/1 min, full lighting impulse withstand voltage 75 kV Frequency: 50Hz; Cos φ = 0,8 Rated secondary output (VA): 25 The primary outlet terminal identification: P1 and P2 The secondary: 1S1, 1S2 Ith (kA/s): 50/1 Idyn (kA): 125 Hãng sản xuất: Dalian No.1 Instrument Transformer Group Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
8	CB Schneider IC65N 2P C6A - Mã sản phẩm: IC65N 2P C6A - Dòng định mức: 6A - Số cực: 2 - Hỗ trợ gắn: DIN rail Hãng sản xuất: Schneider Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	2
9	Tiếp điểm phụ Schneider-A9A26924 - Mã sản phẩm: Schneider-A9A26924 - Tên sản phẩm: Tiếp điểm phụ iOF Schneider-A9A26924	Cái	2

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: Tiếp điểm phụ - Tên ngắn thiết bị: iOF - Dòng hoạt động định mức: 1A - Tần số hoạt động: 50/60 Hz - Kiểu kết nối: 1 C/O - 9 mm pitches - Màu sắc: Trắng - Hồ trợ gắn: DIN rail - Kích thước: 86 x 9 x 73 mm - Hãng sản xuất: Schneider Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên		
10	Two-position Relay Model: HJWS-9080 Điện áp nguồn: 220VDC Hãng sản xuất: Guangzhou Hoko Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	10
11	Chống sét lan truyền SPD Model: DSOP-IIIB Uc: 385V Up: 1800V In: 40kA Imax: 100kA Hãng sản xuất: ARROW Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
12	Ngăn tủ 2BMB11/A02 có kích thước HxWxD: 190 x 280 x 380mm cho tủ Low Voltage Switchboard MLS 400V. Bao gồm: 01 cơ cầu truyền động 160, 01 CB FD160-FDH36TD025ED (20÷25A), 01 nút xoay thao tác nguồn điều khiển (kích thước 40mm x 55mm), 03 đèn (xanh, vàng, đỏ-open, disturbed, close), APT AD16-22D. AC.AD110V, 01 rơ le phụ HJDZ-A004, 110V AC, Hãng sản xuất: HOKO; 01 bộ CT 30/1; 01 bộ cầu chì HG30-32 32A, 01 đồng hồ hiển thị dòng GB7676-98 tỉ số 30/1A thang đo 0-30A, Terminal 14 chân Hãng sản xuất: Shanghai GE Guangdian Co.,Ltd. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Bộ	1
13	Ngăn tủ 2BMC08/C01: Có kích thước HxWxD: 190 x 380 x 600mm. Bao gồm: 01 cơ cầu truyền động 160, 01 CB D160-FDH36MC100GD (100A), 01 nút xoay thao tác nguồn điều khiển (kích thước 40mm x 55mm), 01 nút xoay thao tác ON/OFF (kích thước 66mm x 85mm), 01 bộ rơ le bảo vệ điện áp thấp LPC-3597, Hãng sản xuất: WISCOM SYSTEM; 01 nút chuyển local/remote, Hãng sản xuất: ADA;	Bộ	1

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	01 nút chuyên star/stop, Hãng sản xuất: ADA; 03 đèn (xanh, vàng, đỏ-open, disturbed, close) APT AD16-22D. AC.AD110V; 01 CT LPCB-CT-6-D120867 (100A), 01 rơ le HJDZ-A004, 110V AC, Hãng sản xuất: HOKO; 01 bộ rơ le LPC-3532, Hãng sản xuất: WISCOM; 01 Khởi động từ ABB A50-30-11*220V-230V50Hz/230-240V60Hz; 01 CB Elfa E91, C6, 230/400V, Hãng sản xuất: AEG; 01 CB Elfa E92S UC, C6, 400V, Hãng sản xuất: AEG; 04 bộ cầu chì HG30-32 32A, Terminal 14 chân. Hãng sản xuất: Shanghai GE Guangdian Co.,Ltd. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên		
14	Ống dây thủy lực 5/8" 1AT-ALFA-130bar, 1 đầu thẳng 1 đầu cong 90°, bắm 2 đầu cos thẳng ren trong M24x1,5mm dài 1500mm. Hãng sản xuất: Alfagomma Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Sợi	2
15	Ống dây thủy lực 5/8" 1AT-ALFA-130bar, 1 đầu thẳng 1 đầu cong 90°, bắm 2 đầu cos thẳng ren trong M24x1,5mm dài 3000mm. Hãng sản xuất: Alfagomma Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Sợi	2
16	1000 Series diesel Fuel / Water separator filter equivalent to Racor 1000FH 180GPH (1000FH 180GPH bộ lọc dầu phân tách) Hãng sản xuất: Racor Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
17	Racor 2020TM-OR Fuel Filter Element for Racor 1000 (10 Micron) Hãng sản xuất: Racor Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
18	Fuel filters Part no: X00042421 hoặc X59408300151 ValueSpares Hãng sản xuất: MTU Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	4
19	Oil Filters Part no: 0031845301 ValueSpares Hãng sản xuất: MTU Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	2
20	Oring Adapter: - Kích thước: ID Ø24x5mm;	Cái	24

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	- Part No: 700429024000; - Tiêu chuẩn: MMN429; - Vật liệu: Viton. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên		
21	Oring trong Adapter: - Kích thước: ID Ø12x2mm; - Part No: XP52707700015; - Vật liệu: Viton. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	16
22	Oring Union (Oring khớp kết nối): - Kích thước: ID Ø11.3x2.2mm; - Part No: 735221011000; - Tiêu chuẩn: MTN5221; - Vật liệu: Viton. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	24
23	Board SDP-3P V1.6 Board; Type: SDP Series; Model: SDP-3P V1.6 Hãng sản xuất: LDC Technology INC Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	2
24	Board điều khiển UPS: Type: SDP Series; Model: SDP-PR-3B-I V1.3 Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
25	Board điều khiển UPS; Type: SDP Series; Model: SDP-PR-3R V1.2 Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	2
26	Board điều khiển UPS: Type: SDP Series; Model: SDP-PR-3A Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	4
27	Board SDP Series; Model: SDP-PR-3C V1.0 Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	1
28	IGBT 2MBI300U2B-060-50 Fuji Hãng sản xuất: Fuji Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	6

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
29	Board điều khiển thuộc tủ UNIT 2 UPS Cabinet II: - Mã board: SDP-PR-AY (Thông số tủ UNIT 2 UPS Cabinet II: - Manufacturer: LDC Technology INC - Equipment type: SDP31100-220/230-P - KKS code: 2BRU20 - Input: 400V 3P3W 50Hz - Output: 230V 1P2W 50Hz - Production date: 20130615 - Equipment code: 1111-2100-23200500042013) Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	1
30	SEMIKRON (SCR) Model: SKKT 330/16E (Type: SDP Series; 40kVA; 400 VAC (3P3W) Điện áp ra tối đa: 250 V Dòng điện ra tối đa: 200A) Hãng sản xuất: SEMIKRON Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	3
31	Titans TEP - I - G Điện áp AC 400V Hãng sản xuất: China Titans Energy Technology Group Co., Ltd Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	2
32	Bộ sạc DC Charging module model: TEP - M40/220-F, INPUT: 323 - 437 VAC, OUTPUT: 198 - 286 VDC/0 - 40A Hãng sản xuất: China Titans Energy Technology Group Co., Ltd Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	5
33	Bộ chuyển đổi tín hiệu có hiển thị: TITANS TVA-Series Model: TVA-C12050090 Nguồn cấp: 88 – 264Vac hoặc 38 – 58Vdc Điện áp đầu vào: AC/DC 0 – 300V Dòng điện đầu vào: AC/DC 0 – 999.9A Tín hiệu ngõ ra: 4 – 20mA (khả năng chịu tải 0 -250 Ω) Kích thước: 48 x 96 x 75 mm Hãng sản xuất: China Titans Energy Technology Group Co., Ltd Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	5
34	Board Type: SDP Series; Model: SDP-PR-3B-III V1.0	Cái	1

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên		
35	Board; Type: SDP Series; Model: SDP-PR-3N Hãng sản xuất: LDC Technology INC. Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	1
36	Máy biến áp tự ngẫu với thông số theo thông số tủ (Equipment name): Unit 1 emergency lighting UPS AVR Cabinet Mã loại tủ (Equipment type): DBW31100-400/230-G Input: 400V 3P3W 50Hz Output: 230V 1P2W 50Hz KKS code: 1BRT30 Mã thiết bị (Equipment code): 1211-2100-00020500032013 Hãng sản xuất: LDC Technology INC Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên	Cái	1

Lưu ý: Chủ đầu tư mặc định hàng hóa trong gói thầu này có thuế suất GTGT tạm tính là 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu và hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà thầu chào thuế khác 10% thì Chủ đầu tư sẽ quy về cùng mặt bằng thuế tạm tính 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu. Thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn, thanh toán.

Nhà thầu phải soạn một bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu theo mẫu cung cấp bên dưới. Trong bản tuyên bố đáp ứng phải nêu rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT (bao gồm từng khoản mục, đặc tính kỹ thuật chi tiết quy định tại bảng trên). Nhà thầu chỉ được phép sử dụng các từ ngữ sau: “Đáp ứng”/”Không đáp ứng” để trả lời về tính đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. Tất cả các đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đều phải được giải thích cụ thể (tham chiếu rõ ràng đến từng dòng/từng trang trong tài liệu kỹ thuật)

Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật

Hạng mục số	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSMT	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào trong E-HSDT	Hồ sơ tham chiếu	Tính đáp ứng của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Ghi chú:

- Nội dung ở các cột (1), (2) phải được lập tương ứng với nội dung tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSMT.

- Nội dung ở cột (3) trình bày nội dung của Bảng thông số kỹ thuật của hàng hóa chào trong E-HSDT.

- Cách thức trình bày nội dung ở cột (4) như sau: “Tên tài liệu” – “Phần, chương, mục, bảng (nếu có)” – “trang” – “dòng”

- Nội dung ở cột (5) chỉ được ghi “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng và tính hợp lệ hàng hóa

Chất lượng và tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hóa phải mới 100% và tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

1.3.2. Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật

a) Hỗ trợ kỹ thuật:

Mục 1 trong bảng Phạm vi cung cấp: Thực hiện cài đặt thông số vào bộ điều khiển theo đúng thông số của bộ điều khiển cũ của NMNĐ Vĩnh Tân 2.

Mục 5 trong bảng Phạm vi cung cấp: Thực hiện backup thông số bộ cũ và cài đặt bộ mới tại NMNĐ Vĩnh Tân 2.

b) Yêu cầu về bảo hành:

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu/kiểm nghiệm hàng hóa đạt yêu cầu.

- Địa điểm bảo hành: Tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

- Phương thức bảo hành: Nếu thiết bị có trục trặc do hỏng hóc hay lắp đặt không đúng thì nhà cung cấp thiết bị sẽ phải chịu mọi phí tổn để thay mới hoặc khắc phục những hư hỏng trên. Khi có yêu cầu về bảo hành, nhà thầu phải cử nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện hoàn thành bảo hành trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà nhà thầu chưa bảo hành được các sai sót của thiết bị thì nhà thầu phải cung cấp thiết bị khác có tính năng “tương đương” hoặc “tốt hơn” để thay thế tạm thời cho Chủ đầu tư sử dụng, việc thay thế đó không làm gián đoạn các công việc của Chủ đầu tư mà có liên quan đến thiết bị này (thiết bị này sẽ được trả lại Nhà thầu khi nhà thầu hoàn chỉnh bảo hành các sai

sót của thiết bị cung cấp và bàn giao lại Chủ đầu tư). Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này, nhà thầu phải chịu và sẽ được lấy từ tiền bảo hành.

1.3.3. Yêu cầu về chứng từ kèm theo hàng hóa

Hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do nhà sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức, bao gồm:

a) Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu có).

b) Chứng chỉ xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp hoặc xác nhận: Bản gốc hoặc bản điện tử (*trong trường hợp nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp bản điện tử theo quy định của nước hàng hóa có xuất xứ*), hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Áp dụng đối với hàng nhập khẩu đối với các mục 1, 5-7, 10-13, 16, 18, 23-27, 29, 31-36;

c) Chứng chỉ chất lượng (CQ) hoặc Chứng chỉ khác có giá trị tương đương do Nhà sản xuất/Công ty được nhà sản xuất ủy quyền cấp (*Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền*) đối với các mục 1, 5-7, 10-13, 16, 18, 23-27, 29, 31-36,;

d) Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu phải có số tờ khai đầy đủ, có liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm không thể hiện giá trị của hàng hóa (bản copy có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc của nhà thầu), áp dụng đối với hàng nhập khẩu đối với các mục 1, 5-7, 10-13, 16, 18, 23-27, 29, 31-36,.

e) Cam kết hàng hóa có nguồn gốc, nhập khẩu hợp lệ đối với các mục hàng hóa nhập khẩu còn lại.

1.3.4. Tiến độ triển khai

Thời gian giao hàng hóa và chứng từ đạt yêu cầu: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.3.5. Địa điểm triển khai

- Tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng;

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: Bao bì đóng gói, thông số kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện.